

Đánh giá thực trạng phát triển nền kinh tế số của Việt Nam và một vài hàm ý chính sách

Lại Lâm Anh¹

Ngày nhận bài: 11/11/2025 | Ngày gửi phản biện: 17/11/2025 | Ngày duyệt đăng: 24/11/2025

Tóm tắt: Với sự phát triển nhanh của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ thì việc phát triển kinh tế số đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu của thế giới. Để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, Việt Nam đã tích cực phát triển kinh tế số. Quá trình phát triển kinh tế số của Việt Nam đã và đang mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội và cũng đặt ra không ít thách thức. Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết nghiên cứu đánh giá quá trình phát triển kinh tế số của Việt Nam mà trọng tâm vào chính phủ điện tử, đổi mới sáng tạo, thương mại điện tử, thanh toán điện tử. Bài viết cũng chỉ ra những cơ hội và thách thức cho Việt Nam, từ đó đưa ra một vài hàm ý chính sách.

Từ khóa: Kinh tế số, tăng trưởng, phát triển, Việt Nam.

Mở đầu

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành một trong những nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khi thế giới đang đối mặt với nhiều vấn đề bất ổn làm kìm hãm sự phát triển về kinh tế. Một trong những lý do để Việt Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững chính là việc Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế số. Để phát triển kinh tế số, Việt Nam đã tích cực đổi mới, sáng tạo và thực hiện thành công chuyển đổi số nền kinh tế. Quá trình chuyển đổi số nền kinh tế của Việt Nam đã và đang phát huy tác dụng và đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội cũng như đặt ra không ít thách thức.

1. Bối cảnh phát triển kinh tế số của Việt Nam

Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế số trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, cụ thể là:

Đầu tiên là sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu mà trọng tâm vào công nghệ số, internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư chính là tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế số ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Tiếp đến là cạnh tranh địa chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc và một lĩnh vực cụ thể là cạnh tranh về công nghệ giữa hai quốc gia này. Điều này thúc đẩy nhu cầu Việt Nam phải đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, phát huy tinh thần tự chủ về công nghệ và không bị lệ thuộc vào bất kỳ bên nào, nhằm đem lại lợi thế cạnh tranh.

Bên cạnh đó, tình hình bất ổn cả về mặt kinh tế lẫn chính trị trên thế giới và khu vực cũng là nhân tố quan trọng buộc Việt Nam phải đẩy mạnh phát triển kinh tế số. Tình hình xung đột Nga - Ukraine kéo dài, xung đột Trung Đông giữa Israel với Hamas, Israel - Iran, bạo lực leo thang ở Myanmar, tình trạng tội phạm công nghệ cao ở Campuchia... đã làm cho thế giới càng trở nên bất ổn. Những điều này gây ảnh hưởng khó khăn tới kinh tế thế giới. Phát triển kinh tế số là một hướng đi không chỉ đem lại nhiều hiệu quả kinh tế mà còn giúp Việt Nam tăng năng lực ứng phó trước những bất ổn trên thế giới.

¹ TS., Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: lla2477@gmail.com

Cuối cùng, thực tiễn thế giới cho thấy phát triển kinh tế số sẽ đem lại hiệu quả kinh tế, thúc đẩy phát triển bền vững. Nhiều nền kinh tế như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao và bền vững nhờ phát triển kỹ thuật số. Chính vì thế, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế số ở Việt Nam là một trong những điều kiện tất yếu giúp Việt Nam giữ được tốc độ tăng trưởng cao và bền vững trong thời gian tới.

2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế số của Việt Nam

2.1. Phát triển chính phủ điện tử

Ở Việt Nam, Chính phủ điện tử đã và đang được xây dựng một cách tương đối đồng bộ và sử dụng tương đối hiệu quả trên các mặt như: Cung cấp dịch vụ điện tử cho người dân (Government to Citizen - G2C); Cung cấp dịch vụ chính phủ điện tử cho hoạt động doanh nghiệp (Government to Business - G2B); Cung cấp dịch vụ chính phủ điện tử trao đổi trong cơ quan Chính phủ với nhau và giữa chính phủ nước này với chính phủ nước khác (Government to Government - G2G).

Để đánh giá, đo lường sự phát triển của năng lực chính phủ điện tử quốc gia, Liên hợp quốc đã xây dựng Chỉ số phát triển chính phủ điện tử (E-Government Development Index - EGDI) với ba chỉ số thành phần là Chỉ số dịch vụ công trực tuyến (Online Service Index - OSI); Chỉ số hạ tầng viễn thông (Telecommunications Infrastructure Index - TII); Chỉ số nguồn nhân lực (Human Capital Index - HCI).

Theo xếp hạng EGDI thì trong những năm gần đây giá trị điểm số EGDI cũng như xếp hạng so với các quốc gia khác của Việt Nam liên tục gia tăng (xem Bảng 1). Năm 2014, Việt Nam xếp thứ 99 với điểm số là 0,4705 thì tới năm 2024 Việt Nam đã cải thiện chỉ số này lên 71 (tăng 28 bậc) trong tổng số 193 quốc gia, với điểm số 0,7709 (tăng 63,8%) trong 10 năm, đây cũng là một thành tựu đáng chú ý (UN, 2025).

Bảng 1: Xếp hạng Chỉ số phát triển chính phủ điện tử của Việt Nam

Năm	Xếp hạng thế giới	Điểm số	Năm	Xếp hạng thế giới	Điểm số
2024	71	0,7709	2022	86	0,6687
2020	86	0,6667	2018	88	0,5931
2016	89	0,5143	2014	99	0,4705

Nguồn: UN, 2025.

2.2. Đổi mới sáng tạo để thúc đẩy phát triển kinh tế số

Một trong những chỉ số quan trọng đo lường và thể hiện rõ mức độ phát triển kinh tế số của một quốc gia là Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu - Global Innovation Index (GII). Qua các năm, thứ hạng chỉ số đổi mới sáng tạo GII của Việt Nam có sự cải thiện nhưng chưa thực sự ấn tượng. Năm 2024, chỉ số GII của Việt Nam được xếp thứ 44 trong tổng số 193 quốc gia, nằm trong nhóm các nước có mức thu nhập trung bình thấp, tăng thêm 17 bậc so với năm 2010 (vị trí thứ 71) (Xem Bảng 2). Để phát triển mạnh nền kinh tế số thì Việt Nam vẫn cần phải nỗ lực hơn nữa để cải thiện chỉ số này.

Bảng 2: Chỉ số GII của Việt Nam từ năm 2019 tới năm 2024

Năm	Xếp hạng GII	Xếp hạng	
		Chỉ số phụ đầu vào	Chỉ số phụ đầu ra
2019	42	63	37
2020	42	62	38

2021	44	60	28
2022	48	59	41
2023	46	57	40
2024	44	53	36

Nguồn: Cornell University, INSEAD, WIPO, 2024.

Trong hai nhóm chỉ số phụ của Việt Nam trong thì nhóm chỉ số phụ đầu ra có thứ hạng cao hơn so với nhóm chỉ số phụ đầu vào (Xem Bảng 2). Chỉ số phụ đầu ra được tính toán dựa trên: (i) Sản phẩm tri thức và công nghệ; (ii) Sản phẩm sáng tạo. Điều này cho thấy Việt Nam đã trọng tâm nhiều hơn vào phát triển các sản phẩm tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chỉ số này cũng phản ánh một thực chất là trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, thúc đẩy phát triển kinh tế số.

2.3. Phát triển thương mại điện tử

Trong khoảng mười năm trở lại đây, Việt Nam đang mạnh mẽ chuyển từ thương mại truyền thống sang thương mại điện tử. Quá trình hình thành và phát triển của thương mại điện tử Việt Nam theo có thể được chia thành ba giai đoạn chính như sau:

i) Giai đoạn hình thành thương mại điện tử, từ năm 1997 tới năm 2007: Đây là giai đoạn sau khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 và Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới vào năm 2007. Giai đoạn này, Việt Nam đã đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng cho thương mại điện tử phát triển. Mạng lưới hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là internet được xây dựng đã đáp ứng phần nào cho hoạt động kinh doanh trực tuyến. Sau khi Luật Thương mại ban hành năm 2005, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 57/2006/NĐ-CP về thương mại điện tử góp phần quan trọng quản lý hoạt động thương mại điện tử và thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử ở Việt Nam. Trong giai đoạn này, một số trang quảng cáo trực tuyến bắt đầu xuất hiện như Webtretho (năm 2002), Lamchame (năm 2003), 5giay.com (năm 2004),...

ii) Giai đoạn phổ cập thương mại điện tử, từ năm 2007 đến năm 2016: Thương mại điện tử Việt Nam bắt đầu phát triển mạnh. Hàng triệu người tham gia mua sắm trực tuyến, nhiều nền tảng số xuất hiện, các doanh nghiệp quan tâm xây dựng các trang thông tin điện tử. Kiến thức về thương mại điện tử được đưa vào giảng dạy ở các trường đại học. Các trang thương mại điện tử bắt đầu được hình thành và phát triển như Tiki (năm 2010), Lazada (năm 2012), Shopee (năm 2016)...

- Giai đoạn tăng tốc phát triển thương mại điện tử, từ năm 2016 đến năm 2025: Thương mại điện tử ở Việt Nam nổi bật với tốc độ tăng trưởng nhanh, số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến trở nên phổ biến, các doanh nghiệp đẩy mạnh triển khai hoạt động thương mại điện tử thông qua các trang thương mại điện tử, các website bán hàng trực tuyến, các trang mạng xã hội và cả các app bán hàng được cài đặt trên điện thoại di động. Quy mô thương mại điện tử Việt Nam vào năm 2024 đạt 32 tỷ USD, tăng tám lần so với năm 2015 (VECOM, 2025). Thương mại điện tử xuyên biên giới cũng phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, chủ yếu theo mô hình B2C - từ doanh nghiệp tới tay người tiêu dùng. Theo số liệu của Tổng công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông (VNPT) vào tháng 3/2023, mỗi ngày có khoảng 4-5 triệu đơn hàng giá trị nhỏ (dưới một triệu đồng) được vận chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam qua các sàn thương mại điện tử. Theo thông tin từ Tổng cục Hải quan, hàng hóa nhập khẩu trị giá dưới một triệu đồng được miễn thuế qua chuyển phát nhanh năm 2024 khoảng 27.000 tỷ đồng (VECOM, 2025).

Ngày 15/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 645/QĐ-TTg Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Bản Kế hoạch có ý nghĩa quan

trọng trong việc tạo dựng cơ chế thúc đẩy thương mại điện tử Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025. Ngày 03/6/2025, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1568/QĐ-BCT về phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 nhằm đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong thời gian tới, với mục tiêu: (i) Nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh của thương mại điện tử Việt Nam; không ngừng mở rộng quy mô thị trường thương mại điện tử; tiếp tục là quốc gia thuộc nhóm các nước dẫn đầu khu vực và thế giới về tốc độ phát triển thương mại điện tử; (ii) Tăng cường tiêu thụ cho sản phẩm Việt Nam cả trong và ngoài nước thông qua thương mại điện tử; đẩy mạnh giao dịch, thương mại điện tử xuyên biên giới; (iii) Thu hẹp khoảng cách giữa các thành phố lớn và các địa phương về mức độ phát triển thương mại điện tử; (iv) Phát triển thương mại điện tử theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững hướng đến phát triển kinh tế hiệu quả, tạo giá trị cho cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội công bằng và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường (MOIT, 2025).

2.4. Phát triển thanh toán điện tử và phát hành đồng tiền điện tử

i) Về thanh toán điện tử

Thanh toán điện tử là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế số. Đại dịch Covid-19 là một nguyên nhân thúc đẩy người tiêu dùng lựa chọn thanh toán không tiền mặt và sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử. Các giao dịch không tiền mặt ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng về số lượng và giá trị. Không chỉ Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh mà nhiều tỉnh thành khác như Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa cũng ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về thanh toán không tiền mặt, cho thấy hiệu quả của các chương trình chuyển đổi số ở địa phương. Nhiều hình thức thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai như:

+ **Công thanh toán:** Đây là nền tảng trung gian kết nối giữa ngân hàng của người mua với ngân hàng của người bán, cho phép cho phép người dùng thanh toán khi mua sắm trên website hoặc các sản phẩm thương mại điện tử một cách nhanh chóng qua qua tính năng QR-Pay trên Mobile Banking hoặc thanh toán bằng thẻ quốc tế và nội địa. Hình thức thanh toán này đã trở nên trở nên phổ biến khi các trang thương mại điện tử ngày càng phát triển như Tiki, Lazada, Shopee,...

+ **Ví điện tử:** Ví điện tử cho phép người dùng liên kết với thẻ/tài khoản ngân hàng, lưu trữ tiền trực tuyến và thực hiện thanh toán hoá đơn, mua sắm, chuyển tiền,... Một số ví điện tử nổi được sử dụng phổ biến ở Việt Nam có VNPay, MoMo và ZaloPay.

+ **Thanh toán không tiếp xúc:** Đây là phương thức cho phép người tiêu dùng thanh toán nhanh chóng bằng cách chạm thẻ không tiếp xúc hoặc thiết bị thông minh có NFC vào máy POS để thực hiện thanh toán. Hiện nay, hầu hết các ngân hàng ở Việt Nam đều phát hành thẻ thanh toán không tiếp xúc làm cho loại hình này ngày càng trở nên phổ biến.

+ **Thẻ thanh toán:** Là một loại thẻ vật lý do ngân hàng phát hành được sử dụng để thanh toán trực tuyến. Các ngân hàng cung cấp thẻ được phát hành bởi các hệ thống Visa, Mastercard, JCB, Napas. Người tiêu dùng không chỉ sử dụng thẻ để thanh toán tại các điểm bán hàng mà còn thanh toán trực tuyến thông qua việc nhập thông tin thẻ khi mua hàng online.

Theo báo cáo e-Conomy SEA 2024 của Google, Temasek và Bain & Company, năm 2024, thanh toán kỹ thuật số của Việt Nam ghi nhận tổng giá trị giao dịch tăng từ 126 tỷ USD vào năm 2023 lên 149 tỷ USD vào năm 2024 (Tiểu Băng, 2025). Điều này cho thấy quá trình chuyển đổi từ thanh toán truyền thống sang thanh toán điện tử ở Việt Nam đang diễn ra một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

ii) Về phát hành đồng tiền điện tử

Việt Nam chưa phát hành đồng tiền điện tử do nhà nước phát hành (CBDC) nhưng đã có bước đi quan trọng để thí điểm thị trường tài sản mã hóa và có khuôn khổ pháp lý công nhận tài sản kỹ thuật số, bao gồm tiền điện tử. Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Công nghiệp Công nghệ số (Quốc

hội, 2025). Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, đây là văn bản pháp lý đầu tiên của Việt Nam công nhận tài sản kỹ thuật số, bao gồm cả tiền điện tử và được kỳ vọng là cú hích quan trọng trong việc định hình và quản lý nền kinh tế số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực như blockchain và tài sản ảo.

3. Cơ hội và thách thức cho Việt Nam trong phát triển kinh tế số

3.1. Cơ hội

Thứ nhất, phát triển kinh tế số sẽ là cơ hội cho Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng cao, liên tục trong thời gian tới. Từ đó, Việt Nam có thể tự tin bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với khát vọng trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI; hướng tới thực hiện thành công mục tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển có thu nhập cao (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Thứ hai, Việt Nam xây dựng được nền kinh tế số phát triển có thể tạo ra được lợi thế so với các quốc gia khác, từ đó, gia tăng tốc độ phát triển kinh tế và thu hẹp khoảng cách với các nước.

Thứ ba, phát triển kinh tế số sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh. Nếu các doanh nghiệp biết đầu tư vào kinh tế số sẽ có thể tạo ra được những sản phẩm độc đáo, thông minh, thu hút được sự quan tâm chú ý của nhiều người sẽ có cơ hội thống lĩnh thị trường không chỉ trong nước mà còn vươn cả ra nước ngoài.

Thứ tư, phát triển kinh tế số sẽ tạo cơ hội giúp Chính phủ Việt Nam cải tổ cải tổ hệ thống quản lý kinh tế theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, từ đó nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước.

Thứ năm, phát triển kinh tế số sẽ giúp Việt Nam và các quốc gia khác trở nên gần nhau hơn, hiểu nhau hơn, tăng cường mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Thách thức

Bên cạnh cơ hội thì quá trình phát triển kinh số cũng đặt ra không ít những thách thức cho Việt Nam, cụ thể là:

Thứ nhất, thách thức về chi phí cho phát triển kinh tế số. Để phát triển kinh tế số thì cần phải đầu tư lớn vào hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có internet tốc độ cao, phần mềm máy tính thông minh, website thân thiện,... Tất cả những cái đó đòi hỏi phải có chi phí đầu tư rất lớn. Trong khi đó, các quốc gia đang phát triển như Việt Nam thường có nguồn tài chính không được dồi dào thì việc có đủ vốn đầu tư vào ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số là một trở ngại lớn.

Thứ hai, vấn đề đảm bảo an ninh mạng. Phát triển kinh tế số thường phải đối mặt với các loại hình tội phạm công nghệ cao, lừa đảo qua mạng, tấn công các website,... Các thông tin cá nhân, bí quyết kinh doanh, bí mật quốc gia hay thông tin tài chính có thể bị thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, nếu bị lợi dụng với mục đích xấu sẽ gây tổn hại tới nhiều người, nhiều bên, nhiều doanh nghiệp và cả với các cơ quan quản lý nhà nước. Do đó, vấn đề về tính bảo mật của thông tin, quyền riêng tư cá nhân trở thành một thách thức lớn trong phát triển kinh tế số.

Thứ ba, vấn đề về hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan tới phát triển kinh tế số. Hệ thống pháp luật liên quan tới phát triển kinh tế số ở Việt Nam vẫn còn hạn chế do đây là lĩnh vực mới, phức tạp. Các vấn đề như tài sản ảo, tài sản kỹ thuật số, đồng tiền kỹ thuật số và quyền sở hữu các tài sản này hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa có cơ chế quản lý phù hợp.

Thứ tư, vấn đề về nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển kinh tế số đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam thì việc phát

triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có tính cạnh tranh so với các nước khác cho phát triển kinh tế số vẫn là một thách thức lớn.

4. Một vài hàm ý chính sách cho Việt Nam

Từ nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế số của Việt Nam, có thể rút ra một vài hàm ý chính sách cho Việt Nam như sau:

Một là đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng số: mạng lưới internet tốc độ cao và trung tâm dữ liệu lớn (big data).

Hai là tiếp tục tăng tốc xây dựng, bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý nền kinh tế số, đặc biệt là các chính sách liên quan tới thương mại điện tử, thanh toán điện tử, đồng tiền kỹ thuật số và tài sản số.

Ba là, đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu và phát triển chip bán dẫn, phát triển hệ sinh thái phục vụ phát triển kinh tế số.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, công nghệ thông tin phục vụ phát triển nền kinh tế số.

Năm là, tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

5. Kết luận

Qua nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển kinh tế số ở Việt Nam có thể thấy, Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế số như phát triển chính phủ điện tử, thực hiện đổi mới sáng tạo, phát triển thương mại điện tử, thanh toán điện tử. Quá trình phát triển kinh tế số của Việt Nam đã đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội như cơ hội đạt được tốc độ tăng trưởng cao, thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao lợi thế cạnh tranh, cải tổ nền hành chính công theo hướng đơn giản, gọn nhẹ. Bên cạnh các cơ hội, phát triển kinh tế số cũng mang lại không ít những vấn đề đặt ra như chi phí để thực hiện chuyển đổi số cao, vấn đề an ninh mạng còn nhiều bất cập, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và chất lượng nguồn nhân lực còn chưa đảm bảo.

Tài liệu tham khảo

1. Tiêu Băng (2025). *Thanh toán điện tử tăng trưởng mạnh mẽ*. Thời báo Ngân hàng. Truy cập <https://thoibaonganhang.vn/thanh-toan-dien-tu-tang-truong-manh-me-159632.html>.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. MOIT (2025). *Quyết định số 1568/QĐ-BCT về phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026 - 2030*. Bộ Công Thương. Truy cập https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/1_Q__BCT_2025_1568_ab457.pdf
4. Quốc hội (2025). *Luật Công nghiệp Công nghệ số. Luật số 71/2025/QH15*. Truy cập <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/7/71qh15.signed.pdf>
5. VECOM (2025). *Báo cáo Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam 2025*. Hiệp hội Thương mại Việt Nam.
6. Cornell University, INSEAD, WIPO (2025). *Global Information Index*. Accessed <https://www.wipo.int>.
7. UN (2025). *E-Government Knowledgebase*. Accessed <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Data/Country-Information/id/189-Viet-Nam/dataYear/2024>, retrieved on August 18th 2025.